



dēng shān

登山

nominal verb · to climb a mountain

Example Sentences

wǒ men jì huà zhōu mò qù dēng shān

我们计划周末去登山。

We plan to go mountain climbing this weekend.

dēng shān shí wǒ men xū yào zhǐ nán zhēn

登山时我们需要指南针。

We need a compass when climbing mountains.

dēng shān shí xū yào xié dài yǎng qì píng

登山时需要携带氧气瓶。

You need to carry an oxygen tank when climbing mountains.

Trace each character, then write the word on your own.

登	登	登	登	登	登	登	登	登	登	登
登	登	登	登							
山	山	山	山	山	山					